

T, ngày 13 tháng 9 năm 2019

Số: 213A /2019/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 122 /2019/TLST-HNGĐ ngày 14/ 5 /2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Ninh Thị N, sinh năm: 1990

Bị đơn: Anh Trịnh Xuân H, sinh năm: 1988

Đều trú tại: Thôn Q, xã T, huyện T, Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212 ; Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điểm a khoản 5; Điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UB Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Ninh Thị N

Bị đơn: Anh Trịnh Xuân H

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Ninh Thị N và Anh Trịnh Xuân H.

Về con: Chị Ninh Thị N và Anh Trịnh Xuân H thống nhất vợ chồng có 01 con chung là cháu Trịnh Gia H, sinh ngày 11/11/2018. Ly hôn vợ chồng thống nhất chị Ninh Thị N sẽ trực tiếp nuôi cháu Trịnh Gia H, anh Trịnh Xuân H không phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Anh H được quyền và có nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: Chị Ninh Thị N và Anh Trịnh Xuân H thống nhất vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị Ninh Thị N và Anh Trịnh Xuân H thống nhất vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Ninh Thị N và Anh Trịnh Xuân H thống nhất thỏa thuận: Chị N chịu trách nhiệm nộp toàn bộ án phí DSST là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số: AA/2017/0001489 ngày 14/5/2019 của Chi cục Thi hành án huyện Thọ Xuân, Chị N được nhận lại 150.000đ.

3. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành, không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Trọng Hiền